

ĐÀO TẠO THEO NHU CẦU XÃ HỘI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

• TS. ĐỖ VĂN XÊ

Trường Đại học Cần Thơ

Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) luôn nỗ lực thực hiện ba chức năng chủ yếu là đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Hoạt động đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực cho xã hội, các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, chăm sóc bảo vệ sức khỏe cộng đồng và đáp ứng yêu cầu phục vụ công cuộc phát triển kinh tế - xã hội khu vực Đồng bằng sông Cửu long (ĐBSCL) và cả nước. Lãnh đạo Trường quan tâm đến việc huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển khoa học - công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực ĐBSCL.

Mục đích của đào tạo ĐH và sau ĐH là nhằm cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ cao hầu đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội. Do đó, để phát huy hiệu quả đào tạo thì các mục tiêu đào tạo phải dựa trên nhu cầu đào tạo. Tuy nhiên, do thực tế số lượng người cần học nhiều hơn rất nhiều so với khả năng đào tạo của trường, nên có lúc các trường ít chú ý đến nhu cầu của xã hội. Hay nói cách khác, các trường có xu hướng đào tạo các ngành nghề mà mình có khả năng đào tạo và ít chú ý đến các ngành mà xã hội cần. Chủ trương "Đào tạo theo nhu cầu xã hội" của Bộ GD - ĐT là một chủ trương đúng nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực qua đào tạo. Đáp ứng chủ trương này chúng tôi xin trình bày hiện trạng đào tạo của Trường Đại học Cần Thơ dưới góc nhìn "Đào tạo theo nhu cầu xã hội".

1. Khả năng đào tạo của Trường để đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội

Trường ĐHCT là trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực nên "sản phẩm" đào tạo của trường có phổ tương đối rộng.

- Ngành nghề đào tạo

Những năm gần đây, Trường đã đầu tư nguồn lực để tăng bình quân mỗi năm từ 3 đến 4 ngành. Hiện nay Trường đang đào tạo 56 ngành đại học, 26 ngành cao học và 6 ngành tiến sĩ. Mặc dù khi xây dựng chương trình đào tạo Trường dựa theo thực trạng kinh tế của vùng, nhưng hiện nay do sự phát triển nhanh chóng về ngành nghề của vùng ĐBSCL, nên có một số lĩnh vực xã hội cần nhưng Trường chưa đáp ứng

được. Ví dụ như ở đại học các ngành thuộc lĩnh vực kiến trúc, kĩ nghệ điện lạnh, kĩ thuật tàu thủy, vật liệu, năng lượng, điện công nghiệp, lâm nghiệp, nghệ thuật, báo chí... Ở sau đại học các chuyên ngành thuộc khối kĩ thuật, công nghệ, luật, khoa học cơ bản,... Đặc biệt, việc đào tạo tiến sĩ chỉ mới ở lĩnh vực nông nghiệp, vi sinh,...

- Quy mô đào tạo

Hàng năm Trường tuyển khoảng 5.000 sinh viên mới, ước tăng hàng năm khoảng 5-7%. So với lượng thí sinh đăng kí dự thi là gần 50.000, Trường chỉ đáp ứng nhu cầu khoảng 10%. Dự kiến trong giai đoạn 2007- 2015, Trường sẽ đầu tư để tăng chỉ tiêu hàng năm khoảng 4-5% đối với ĐH, tăng chỉ tiêu sau ĐH từ 10-15%/năm để đến 2015 quy mô sinh viên trong toàn trường là 30.000 cho tất cả các cấp học.

Bên cạnh việc đào tạo chính quy tại trường, Trường cũng đảm nhận việc đào tạo hệ không chính quy tại các trường cao đẳng công đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên... Tổng số sinh viên thuộc hệ này hiện là 13.000.

Các hình thức đào tạo khác như: liên kết đào tạo hệ vừa học vừa làm tại các tỉnh, thành trong khu vực, tổ chức khoá huấn luyện, đào tạo cập nhật kiến thức, phối hợp với địa phương tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao công nghệ, hướng dẫn người dân phát triển kinh tế, hướng dẫn kĩ thuật thông qua cầu truyền hình..

- Các hoạt động hỗ trợ đào tạo

Để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao nhất, Trường tăng cường đầu tư trang bị các thiết bị hiện đại cho phòng thí nghiệm trung tâm và các phòng thí nghiệm chuyên ngành ở các khoa, trung tâm, viện. Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ từng bước được trang bị hiện đại để hiện đại hoá việc trao đổi thông tin với các đơn vị và phục vụ chương trình đào tạo từ xa, thiết lập mạng cáp quang trên toàn khu II và nối mạng internet, xây dựng thư viện điện tử cho toàn thể cán bộ và sinh viên sử dụng.

Trường liên hệ với các cơ sở sản xuất, kinh doanh để thực hiện các hoạt động nhằm thăm dò nhu cầu nhân lực, xây dựng nội dung chương trình đào tạo, gửi sinh viên thực tập, liên kết giảng dạy, giới thiệu việc làm cho sinh viên, áp



dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Tuy nhiên, các hoạt động này chưa được thực hiện thường xuyên, chưa tổ chức đánh giá kết quả.

Trường đã tổ chức nhiều hội nghị khoa học cấp trường, in ấn tạp chí khoa học tập hợp các công trình khoa học - công nghệ, nhiều hội thảo khoa học trong và ngoài nước để tổng kết, đánh giá các kết quả nghiên cứu và ứng dụng nhằm đưa vào phục vụ đào tạo và phát triển sản xuất. Điển hình là một số hoạt động sau đây:

- + Hội thảo sử dụng đất có vấn đề ĐBSCL và một số vùng khác;
- + Tổng kết chương trình Heifer hỗ trợ phát triển chăn nuôi bền vững;
- + Hội thảo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn ĐBSCL.
- + Tổ chức hội thảo giáo dục môi trường trong nhà trường của Bộ;
- + Hội thảo chương trình nghiên cứu lúa và hệ thống canh tác;
- + Tổ chức nhiều hội thảo thuộc các chương trình hợp tác quốc tế;
- + Tổ chức và tham dự nhiều hội thảo về công tác giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản với các tỉnh và cơ quan nghiên cứu khoa học khác tại khu vực ĐBSCL.

- Liên kết với địa phương các đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) khác

Trường ĐHCT có thế mạnh về NCKH phục vụ nông nghiệp. Trong quá trình nghiên cứu, các nhà khoa học luôn tìm hiểu và bám sát yêu cầu phát triển của địa phương trong từng giai đoạn cụ thể; những thông tin về tình hình sản xuất, thị trường tiêu thụ trong khu vực được các nhà khoa học quan tâm để có hướng đi đúng trong việc đăng kí thực hiện các đề tài phù hợp với yêu cầu thực tiễn của từng địa phương; Trường cũng đã đóng góp nhiều ý kiến cho các địa phương trong việc định hướng chiến lược phát triển dài hạn, các dự án phát triển vùng và phản biện cho nhiều dự án lớn của nhà nước trong việc khai thác tiềm năng.

Sự kết hợp giữa các trường, viện, trung tâm, các cơ quan sản xuất kinh doanh và các cơ quan quản lí khoa học của các địa phương trong việc phát triển các đề tài nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học cũng là một bài học quý báu. Hiện nay, trên địa bàn ĐBSCL, ngoài các trường đại học còn có nhiều viện nghiên cứu của các bộ ngành đóng trên địa bàn để thực hiện chức năng nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực. Việc các trường, viện nghiên cứu kết hợp tổ chức các chương trình nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả vào sản xuất là nhằm tránh sự trùng lặp trong nghiên cứu thực nghiệm, tiết kiệm kinh phí và nhất là tận dụng được nguồn nhân lực tổng hợp thực hiện các đề

tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

2. Kinh nghiệm gắn kết, hợp tác giữa đào tạo với nhu cầu xã hội và nhà sử dụng

- Liên kết với các trường đại học danh tiếng nước ngoài để đào tạo sau ĐH: liên hệ với ĐH Aarhus, Đan Mạch, đào tạo các ngành học môi trường; Liên kết với ĐH Wageningen, Hà Lan, đào tạo các ngành công nghệ sinh học.

- Liên kết với trường ĐH South Queensland, Úc, để đào tạo du học tại chỗ các ngành kĩ thuật môi trường, điện-điện tử theo phương thức đào tạo 1-3 (1/4 thời gian học tại Trường ĐHCT; 3/4 thời gian học ở nước ngoài) để tiến dần đến 2-2 (nửa thời gian học tại trường ĐHCT; nửa thời gian học ở nước ngoài) và 3-1 (3/4 thời gian học tại trường ĐHCT; 1/4 thời gian học ở nước ngoài).

- Thông qua mối quan hệ với các trường đại học, học viện trên thế giới làm cầu nối để đào tạo nhân lực trình độ cao cho các tỉnh, thành trong khu vực. Cụ thể đã xây dựng chương trình "Mekong 1000" giúp các tỉnh đầu tư đào tạo cán bộ có trình độ cao học, tiến sĩ ở nước ngoài.

- Tạo mối liên kết với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, trường học để đưa sinh viên thực tập và qua đó các đơn vị tiếp nhận sinh viên có thể lựa chọn thu nhận sau khi tốt nghiệp.

- Tạo điều kiện cho các đơn vị sử dụng tham gia "Hội chợ việc làm" giới thiệu cho sinh viên cơ hội tìm việc làm.

- Kết hợp chặt chẽ giữa trường, viện và các sở, ban ngành của các tỉnh vùng ĐBSCL để nắm nhu cầu thực tiễn của các địa phương đặt ra phải giải quyết, giới thiệu tiềm năng của trường về công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Móc nối các chương trình hợp tác quốc tế gắn kết với địa phương tùy lĩnh vực nghiên cứu phù hợp với từng địa bàn.

3. Đánh giá sự phù hợp giữa công tác đào tạo của Trường với nhu cầu xã hội

Sự phù hợp một ngành học thể hiện ở mức độ tiếp cận của chương trình đào tạo (CTĐT) với sự phát triển của kinh tế-xã hội và khả năng thích ứng với thị trường sử dụng lao động. Mức độ hoàn chỉnh của CTĐT phải được thẩm định từ 2 phía: nơi đào tạo sinh viên và nơi sử dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Về phía nhà trường

+ Nội dung CTĐT: Trường rất quan tâm cập nhập và đã sử dụng nhiều biện pháp nâng cao chất lượng như đưa thông tin lên website của Trường để tiếp nhận ý kiến đóng góp, bổ sung hệ thống môn học tự chọn nhằm mở rộng kiến thức từng ngành, cập nhật vào giáo trình, bài giảng,... Các bước phát triển chương trình đào tạo (bao gồm phân tích tình hình, xác định mục tiêu, thiết kế chương trình, thực thi, đánh giá)

được thực hiện một cách khoa học bởi Hội đồng khoa học cấp trường, khoa (làm việc theo nhóm chung, nhóm chuyên ngành và có sự tham gia của giảng viên, cán bộ quản lí). Ngoài ra, công tác đào tạo sau ĐH tại Trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ đang công tác tại các sở, ban ngành thuộc khu vực ĐBSCL học tập, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới vào chương trình đào tạo một cách toàn diện.

+ Chương trình học mềm dẻo phù hợp và đáp ứng được nhu cầu người học và thị trường lao động. Nội dung môn học luôn được bổ sung thêm kiến thức mới, thể hiện được tính mềm dẻo của CTĐT, đáp ứng nhu cầu luôn biến động của thị trường nhân lực. CTĐT có tính chuẩn mực, liên thông và hợp lí đã tạo cơ hội bình đẳng, phục vụ được đa số các nhu cầu học tập của người học trong khu vực. Người học hoàn toàn chủ động loại hình học tập cũng như việc thực hiện kế hoạch học tập trong quá trình đào tạo của mình. Giải quyết được những hoang thừa về đội ngũ giảng viên, tiết kiệm về cơ sở vật chất, từng bước hoà nhập vào hệ thống giáo dục khu vực và thế giới.

+ Việc đổi mới và đa dạng hoá phương pháp dạy và học tạo điều kiện cho người học tham gia vào quá trình dạy học. Kết quả của việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực trong quá trình đào tạo là: nâng cao khả năng tự học và tự giải quyết vấn đề của người học. Vì thế sinh viên ra trường là những người năng động, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của thị trường.

- Về phía thị trường lao động

Các kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp của Trường năm 1999, 2001 và 2005 cho thấy họ đã đáp ứng yêu cầu thị trường lao động xã hội. Phạm vi đào tạo của Trường chủ yếu là khu vực ĐBSCL, nhưng sinh viên tốt nghiệp của trường có thể xin việc ở khu vực khác như TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Cũng có một số làm việc ở các tỉnh miền Bắc.

Qua trao đổi với các nhà tuyển dụng lao động trong đợt kiểm định chất lượng của Trường thấy rằng sinh viên còn yếu về kĩ năng thực hành. Một số ngành đào tạo thiếu trang thiết bị mới nên kiến thức đào tạo lạc hậu so với thực tế bên ngoài.

Nhìn chung, các hoạt động thăm dò thị trường lao động để điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo hoặc xây dựng mới chương trình chưa được chú trọng đúng mức. Hiện nay Trường đã thành lập Trung tâm kiểm định chất lượng. Trung tâm này sẽ nhận nhiệm vụ nêu trên. Hy vọng trong thời gian tới, ngành nghề và chất lượng đào tạo của Trường sẽ sát với nhu cầu xã hội hơn.

4. Kiến nghị về cơ chế quản lí, cơ chế tài

chính, các chính sách cần thiết, cách tổ chức thực hiện để nâng cao hiệu quả đào tạo

Để cho việc đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội, chúng tôi xin nêu ra các kiến nghị đề xuất dưới đây mà chúng tôi thấy cần thiết. Trong các kiến nghị này có cả những việc chính Trường chúng tôi thực hiện, chứ không phải chỉ đề xuất riêng đối với Bộ GD - ĐT.

- Cần có cơ chế phù hợp giữa nhà tuyển dụng với cơ quan đào tạo nhằm tạo điều kiện cho cơ quan bên ngoài trường, cơ quan sử dụng sản phẩm đào tạo của nhà trường đầu tư kinh phí hỗ trợ nhà trường, hỗ trợ sinh viên ngay trong giai đoạn học tập. Việc đầu tư này giúp nhà trường nâng cao chất lượng sản phẩm đào tạo để khi tuyển dụng có hiệu quả lao động cao và sự hưởng lợi trực tiếp ở nhà tuyển dụng sẽ cao hơn.

- Hiện nay chính sách chế tài đối với sinh viên tốt nghiệp các ngành sư phạm (được miễn học phí) chưa cụ thể, làm cho quy định về cam kết phục vụ trong ngành sư phạm không được áp dụng. Mặt khác, khả năng cung ứng việc làm (giáo viên) cho số sinh viên này cũng không đảm bảo, người tốt nghiệp sư phạm không có việc làm, buộc họ phải tìm việc ở lĩnh vực khác. Vì vậy, cần xem xét lại quy định này cho hợp lí hơn.

- Cần thực hiện việc tổng kết có hệ thống bằng văn bản về yêu cầu chuyên môn của nhà tuyển dụng và sinh viên tốt nghiệp tại các buổi họp mặt thường niên giữa các khoa và các nhà tuyển dụng cũng như sinh viên tốt nghiệp. Hiện tại, chưa có số liệu thông tin phản hồi hoàn chỉnh từ nhà sử dụng sản phẩm đầu ra; chưa khảo sát người học cho từng loại hình đào tạo; chưa tổng kết được từng loại hình đánh giá cho từng môn học mang tính đặc thù của ngành học...

- Đề nghị tiến hành khảo sát để có những đúc kết từ người dạy theo phương thức đào tạo hiện hành; tiến hành lấy ý kiến khảo sát sinh viên về phương pháp giảng dạy mới trên quy mô toàn trường. Việc đào tạo liên thông chưa đều khắp các ngành đào tạo trong trường.

- Cần có quy định thị trường hoạt động đào tạo của cơ quan đào tạo nào đó, nhằm tránh việc đào tạo tràn lan, không bảo đảm chất lượng và không kinh tế.

SUMMARY

The article deals with the current training situation in Can Tho University viewed from the perspective of social need-based training.